

Số: 113/2021/QĐST-HNGĐ

M, ngày 06 tháng 5 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 105/2021/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2021, giữa:

- *Nguyên đơn*: chị Bùi Thị S, sinh năm 1995.

- *Bị đơn*: anh Trần Bình M, sinh năm 1995.

Đều đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn Đ, xã A, huyện M, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 4 năm 2021.

XÉT THẤY:

[1] Chị Bùi Thị S và anh Trần Bình M kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện M, thành phố Hà Nội ngày 23/8/2017 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 4 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và thoả thuận giữa chị Bùi Thị S và anh Trần Bình M cụ thể như sau:

1.1. *Về quan hệ hôn nhân*: chị Bùi Thị S và anh Trần Bình M thuận tình ly hôn.

1.2. *Về con chung*: Chị Bùi Thị S và anh Trần Bình M đều xác nhận có 02 con chung là cháu Trần Đăng K, sinh ngày 03/11/2018 và cháu Trần Bảo N, sinh

ngày 22/5/2020. Nay ly hôn, chị S và anh M thống nhất thỏa thuận giao con chung là cháu Trần Đăng K cho anh Trần Bình M và giao con chung là cháu Trần Bảo N chị Bùi Thị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc các bên có thỏa thuận khác.

Anh Trần Bình M và chị Bùi Thị S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự đều xác nhận không có và đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về án phí: chị Bùi Thị S tự nguyện nộp toàn bộ 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, gồm 150.000 đồng án phí giải quyết việc ly hôn và sung quỹ Nhà nước 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp. Được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 00038538 ngày 28/4/2021.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND xã A (nơi đăng ký kết hôn);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Anh Tuấn